

Số: 05/VBHN-BGDĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **VỀ HỌC BỔNG VÀ TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÔNG LẬP**

Quyết định số [1121/1997/QĐ-TTg](#) ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1998, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Quyết định số [239/1999/QĐ-TTg](#) ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung, sửa đổi khoản a Điều 1 của Quyết định số 1121/1997/ QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2000.

2. Quyết định số [194/2001/QĐ-TTg](#) ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số [1121/1997/QĐ-TTg](#) ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

3. Quyết định số [82/2006/QĐ-TTg](#) ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học quy định tại Quyết định số [194/2001/QĐ-TTg](#) ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2006.

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Tài chính, **[1]***

**Điều 1.** Về học bổng

a) **[2]** (**Được bãi bỏ**)

b) **[3]** (**Được bãi bỏ**)

**Điều 2.** Về trợ cấp xã hội

Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là học sinh, sinh viên đang học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn - tập trung thuộc các diện sau đây:

1. Người dân tộc ít người ở vùng cao.
2. Người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.
3. Người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế.
4. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập.

Mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng và cấp 12 tháng trong năm.

Nâng mức trợ cấp xã hội từ 100.000 đồng/người/tháng lên 140.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với học sinh, sinh viên ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn tập trung **[4]**.

**Điều 3.** Học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi theo Điều 66, Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng và học sinh, sinh viên thuộc diện nói tại mục b Điều 1 và Điều 2 nếu đạt tiêu chuẩn nêu ở mục a Điều 1, Quyết định này thì được nhận thêm phần thưởng khuyến khích lấy từ quỹ học bổng.

**Điều 4.** Quỹ học bổng và trợ cấp xã hội được dự toán thành hai khoản riêng nhưng đều lấy từ ngân sách nhà nước chi thường xuyên hàng năm cho đào tạo.

**Điều 5.**<sup>[5]</sup> Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1998. Những quy định trước đây trái với các quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 6.** Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Quyết định này.

**Điều 7.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

## **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Phúc**

---

[1] Quyết định số [239/1999/QĐ-TTg](#) bổ sung, sửa đổi khoản a Điều 1 của Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ vào Điều 77 của Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,”.*

Quyết định số [194/2001/QĐ-TTg](#) về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số [1121/1997/QĐ-TTg](#) ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Tài chính,”.*

Quyết định số [82/2006/QĐ-TTg](#) về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học quy định tại Quyết định số [194/2001/QĐ-TTg](#) ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,”.*

[2] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số [84/2020/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

[3] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số [84/2020/NĐ-CP](#) ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

[4] Cụm từ “Mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng” được sửa đổi bởi cụm từ “Nâng mức trợ cấp xã hội từ 100.000 đồng/người/tháng lên 140.000 đồng/người/tháng áp dụng đối với học sinh, sinh viên ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn tập trung” theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số [194/2001/QĐ-TTg](#) về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số [1121/1997/QĐ-TTg](#) ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

[5] Điều 2, Điều 3 và Điều 4 của Quyết định số [239/1999/QĐ-TTg](#) bổ sung, sửa đổi khoản a Điều 1 của Quyết định số [1121/1997/QĐ-TTg](#) ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2000 quy định như sau:

**“Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Bãi bỏ khoản a, Điều 1 của Quyết định số [1121/1997/QĐ-TTg](#) ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên của các trường đào tạo công lập.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Quyết định này.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”

Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Quyết định số [194/2001/QĐ-TTg](#) về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số [1121/1997/QĐ-TTg](#) ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2002 quy định như sau:

**“Điều 2.** Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 3.** Bộ Tài chính bố trí quỹ học bổng chính sách và trợ cấp xã hội tăng thêm đối với các đối tượng đã quy định tại khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này trong dự toán ngân sách nhà nước các cấp theo phân cấp hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2002 và thay thế cho những quy định về học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc ít người tại Quyết định số [1121/1997/QĐ-TTg](#) của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”

Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Quyết định số [82/2006/QĐ-TTg](#) về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học quy định tại Quyết định số [194/2001/QĐ-TTg](#) ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2006 quy định như sau:

**“Điều 2.** Mức học bổng quy định tại Điều 1 của Quyết định này được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cùng với việc điều chỉnh mức lương tối thiểu của Nhà nước từ thời điểm 01 tháng 01 năm 2006.

**Điều 3.** Bộ Tài chính bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước các cấp theo quy định của Luật Ngân sách để thực hiện chi trả học bổng theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế cho mức học bổng quy định tại Quyết định số [194/2001/QĐ-TTg](#) ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ đối với các đối tượng học sinh, sinh viên nêu tại Điều 1 của Quyết định này.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”